TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2021/QĐST-DS	*Hải Phòng, ngày 08 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Biên
2. Ông Nguyễn Đức Mạnh

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-DSST ngày 03 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị A; sinh năm 1952; nơi cư trú: Số 57 B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Bá E - Luật sư Công ty luật G thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng;

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị H, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số nhà 117 đường I, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh L và ông Nguyễn Thanh M – đều là Luật sư Văn phòng luật sư N thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Bùi Đức O, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 927 P, phường Q, quận D, thành phố Hải Phòng;

2. Chị Bùi Thị R, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ S, phường Q, quận D, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của chị Bùi Thị R: Anh Bùi Đức O, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số 927 P, phường Q, quận D, thành phố Hải Phòng (Giấy uỷ quyền 12/02/2020);

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947; nơi cư trú: Tổ 3 Cụm 1, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng;

4. Chị Bùi Thị U, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 3 Cụm 1, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng;

5. Anh Bùi Đức V, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ 3 Cụm 1, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị U, anh Bùi Đức V: Anh Bùi Đức X, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ Đồng Lập, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng (Theo Giấy uỷ quyền ngày 12/02/2020);

6. Anh Bùi Đức X, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố Y, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng;

7. Chị Bùi Thị A', sinh năm 1960; nơi cư trú: Số nhà 19, ngõ 25 đường B', phường C', quận D, thành phố Hải Phòng;

8. Chị Bùi Thị A, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ dân phố D', phường C, quận D, thành phố Hải Phòng;

9. Anh Bùi Đức E', sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 3, cụm 1, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của chị Bùi Thị A' và chị Bùi Thị A: Anh Bùi Đức E', sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ 3, cụm 1, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng (Giấy uỷ quyền);

10. Chị Nguyễn Thị G', sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ dân phố H', phường K, quận D, thành phố Hải Phòng;

11. Chị Nguyễn Thị I', sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ dân phố H' 1, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị I': Chị Nguyễn Thị G', sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ dân phố H', phường K, quận D, thành phố Hải Phòng (theo Giấy uỷ quyền ngày 12/02/2020);

12. Anh Nguyễn Thế K', sinh năm 2000; nơi cư trú: Tổ dân phố H' 1, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng;

13. Anh Nguyễn Văn L', sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ dân phố H' 1, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng;

14. Ông Nguyễn Nhật M', sinh năm 1944; nơi cư trú: Số 4/28/320 N', phường O', quận P', thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Nhật M': Bà Nguyễn Giáng Q', sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 58/105 R', phường S', quận T', thành phố Hải Phòng (Giấy uỷ quyền ngày 13/02/2020);

15. Chị Đoàn Thị Hải U', sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 18 Võ Thị V', phường X', quận P', thành phố Hải Phòng;

16. Chị Đoàn Gia Y', sinh năm 2000; nơi cư trú: Số 18 Võ Thị V', phường X', quận P', thành phố Hải Phòng;

17. Chị Nguyễn Giáng Q', sinh năm 1972;

18. Anh Nguyễn Anh A'', sinh năm 1973;

Cùng nơi cư trú: Số 58/105 R', phường S', quận T', thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Anh A'': Chị Nguyễn Giáng Q', sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 58/105 R', phường S', quận T', thành phố Hải Phòng (Giấy uỷ quyền ngày 13/02/2020);

19. Chị Nguyễn Giáng B'' (tức Nguyễn Thuỵ C''– Juan, Jui Yu), sinh năm 1976; nơi cư trú: Số 06 D'', cụm 005 thôn E'', xã G'', huyện H'', Đài Loan;

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Giáng B'': Chị Nguyễn Giáng Q', sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 58/105 R', phường S', quận T', thành phố Hải Phòng (Giấy uỷ quyền ngày 01/03/2020);

20. Chị Nguyễn Thiều I'', sinh năm 1986; nơi cư trú: Số 18/28/320 K'', phường O', quận P', thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thiều I'': Chị Nguyễn Giáng Q', sinh năm 1972; nơi cư trú: Số 58/105 R', phường S', quận T', thành phố Hải Phòng (Giấy uỷ quyền ngày 13/02/2020);

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Bùi Thị A được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Bùi Đức L'' và cụ Phạm Thị M'' để lại là diện tích đất 80,8m^2 bao gồm các mốc 14, 13, 12, 26, 25, 14; tại thửa đất số 595, tờ bản đồ số 17(306594-7-c); địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng.

2. Bà Bùi Thị H được hưởng phần di sản thừa kế của cụ Bùi Đức L'' và cụ Phạm Thị M'' để lại là diện tích đất 242,0 m^2 bao gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 27, 26, 25, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 1; tại thửa đất số 595, tờ bản đồ số 17(306594-7-c), địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng.

3. Anh Bùi Đức O và chị Bùi Thị R (những người thừa kế theo pháp luật của ông Bùi Đức N'') được hưởng phần di sản thừa kế mà ông Bùi Đức N'' được hưởng của cụ Bùi Đức L'' và cụ Phạm Thị M'' để lại là diện tích đất 70,0m^2 bao gồm các mốc: 5, 4, 27, 28, 5; tại thửa đất số 595, tờ bản đồ số 17(306594-7-c); địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng.

4. Chị Nguyễn Thị G', chị Nguyễn Thị I' (là vợ của anh Nguyễn Văn O'', chết năm 2004) (là những người thừa kế theo pháp luật của bà Bùi Thị P'' và anh Nguyễn Văn O'') được hưởng phần di sản thừa kế mà bà Bùi Thị P'' được hưởng của cụ Bùi Đức L'' và cụ Phạm Thị M'' để lại là diện tích đất 79,2m^2 bao gồm các mốc: 12, 11, 28, 27, 26, 12; tại thửa đất số 595, tờ bản đồ số 17(306594-7-c); địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng.

5. Ông Nguyễn Nhật M', chị Nguyễn Giáng Q', anh Nguyễn Anh A'', chị Nguyễn Thiều I'', chị Nguyễn Giáng B'' (Nguyễn Thuỵ C'') (là những người thừa kế theo pháp luật của bà Bùi Thị Q'') được hưởng phần di sản thừa kế mà bà Bùi Thị Q'' được hưởng của cụ Bùi Đức L'' và cụ Phạm Thị M'' để lại là diện tích đất 70,0m^2 bao gồm các mốc: 10, 9, 8, 7, 6, 5, 28, 11, 10; tại thửa đất số 595, tờ bản đồ số 17(306594-7-c); địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng.

6. Bà Nguyễn Thị T, anh Bùi Văn S'', anh Bùi Đức V, chị Bùi Thị U, chị Bùi Thị A', chị Bùi Thị A và anh Bùi Đức E' (những người thừa kế theo pháp luật của ông Bùi Đức R'') được hưởng phần di sản thừa kế mà ông Bùi Đức R'' được hưởng của cụ Bùi Đức L'' và cụ Phạm Thị M'' để lại là diện tích đất 79,7m^2 bao gồm các mốc: 15, 14, 25, 19, 18, 17, 16, 15; tại thửa đất số 595, tờ bản đồ số 17(306594-7-c); địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng.

7. Các đương sự thống nhất cắt một phần diện tích đất là 20,5m^2 (vị trí phía trước phần di sản thừa kế chia cho bà Bùi Thị A; những người thừa kế theo pháp luật của bà Bùi Thị P'' và ông Bùi Đức R'') nằm trong diện tích đất 642,2m^2; tại thửa đất số 595, tờ bản đồ số 17 (306594-7-c); địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường K, quận D, thành phố Hải Phòng (là di sản thừa kế của cụ Bùi Đức L'' và cụ Phạm Thị M'' để lại) để làm ngõ đi.

(có sơ đồ kèm theo)

8. Anh Đoàn Văn Thuận, anh Nguyễn Thế K', chị Đoàn Thị Hải U' và chị Đoàn Gia Y' đều thống nhất từ chối mọi quyền lợi được hưởng từ việc chia di sản thừa kế của cụ Bùi Đức L'' và cụ Phạm Thị M''.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

9.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị A, bà Bùi Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Nhật M', chị Bùi Thị A', anh Bùi Đức O, chị Bùi Thị R, chị Nguyễn Thị G', chị Nguyễn Thị I'.

9.2. Chị Nguyễn Giáng Q', anh Nguyễn Anh A'', chị Nguyễn Thiều I'', chị Nguyễn Giáng B'' (Nguyễn Thuỵ C'') mỗi người phải chịu 2.450.000 đồng Hai triệu

bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

9.3. Anh Bùi Văn S'', anh Bùi Đức V, chị Bùi Thị U, chị Bùi Thị A và anh Bùi Đức E' mỗi người phải chịu 1.992.500 đồng (Một triệu chín trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Phương